

**Chính phủ Việt Nam**  
Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn -  
CERWASS

**Chính phủ Đan Mạch**  
DANIDA

**Xây dựng Năng lực Quốc gia**  
**(Bộ NNPTNT-DANIDA**  
**Hỗ trợ Chương trình Ngành Nước)**  
**Tiểu Hợp phần 1.2:**  
**Hỗ trợ Thực hiện Chiến lược Quốc gia về**  
**Cấp nước và Vệ sinh Nông thôn**  
**KẾ HOẠCH CÔNG TÁC VÀ NGÂN SÁCH CHO NĂM 2003**  
**DỰ THẢO LẦN THỨ NHẤT**

Tháng 12 năm 2002  
104.Vic.814-5



## **Xây dựng Năng lực Quốc gia**

### **(Bộ NNPTNT-DANIDA**

### **Hỗ trợ Chương trình Ngành Nước)**

#### **Tiểu Hợp phần 1.2:**

### **Hỗ trợ Thực hiện Chiến lược Quốc gia Cấp nước và Vệ sinh Nông thôn**

#### **KẾ HOẠCH VÀ NGÂN SÁCH CHO NĂM 2002**

#### **DỰ THẢO LẦN THỨ NHẤT**

Tháng 12 năm 2002  
104.Vic.814-5

#### **Thông tin về bảo đảm chất lượng**

	<b>Phiên bản</b>	<b>Hiện trạng</b>	<b>Ngày</b>
	Dự thảo lần thứ hai		
	<b>Tên</b>	<b>Chữ ký</b>	<b>Ngày</b>
Người soạn thảo:	Nguyễn Danh Sọan		20/12/2002
Người soạn thảo:	Stephen Greenhalgh		20/11/2002
Người kiểm tra:	Lars Skov Andersen		xx/12/2002
Người phê chuẩn:	Stephen Greenhalgh		yy/12/2002
Người phê chuẩn:	Lê Văn Căn		yy/12/2002

## Trang số liệu then chốt

Địa điểm	Hà Nội, Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Chương trình Hỗ trợ ngành	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn -DANIDA, Hỗ trợ Chương trình Ngành Nước
Hợp phần	1.0 Xây dựng Năng lực Quốc gia
Tiểu hợp phần	1.2 Hỗ trợ Thực thi Chiến lược Quốc gia về Cấp nước và Vệ sinh Nông thôn
Cơ quan thực hiện	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Trung tâm Nước Sinh hoạt và Vệ sinh Nông thôn (CERWASS)
Báo cáo	Kế hoạch hoạt động hàng năm và ngân sách
Giai đoạn	Tháng Giêng 2001 - Tháng Mười hai 2005

Các sự kiện then chốt:

Quyết định của Thủ tướng số 104 phê duyệt Chiến lược ký ngày 25 tháng 8 năm 2000

Hiệp định song phương giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Đan Mạch được ký đồng thời bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Đại sứ quán Vương quốc Đan Mạch ngày 1 tháng 12 năm 2000.

Bộ Ngoại giao Vương quốc Đan Mạch ký hợp đồng hỗ trợ kỹ thuật 5 năm với Carl Bro A/S nhằm cung cấp các dịch vụ tư vấn tổng hợp với tổng số 177 tháng nhân công cho Tiểu hợp phần 1.2 và Hợp phần 2 vào ngày 21 tháng 12 năm 2000.

Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn số 2200/QĐ/BNN/TCCB chỉ định Trung tâm Nước Sinh hoạt và Vệ sinh Nông thôn (CERWASS) thực hiện tiểu hợp phần 1.2 ngày 24 tháng 5 năm 2001.

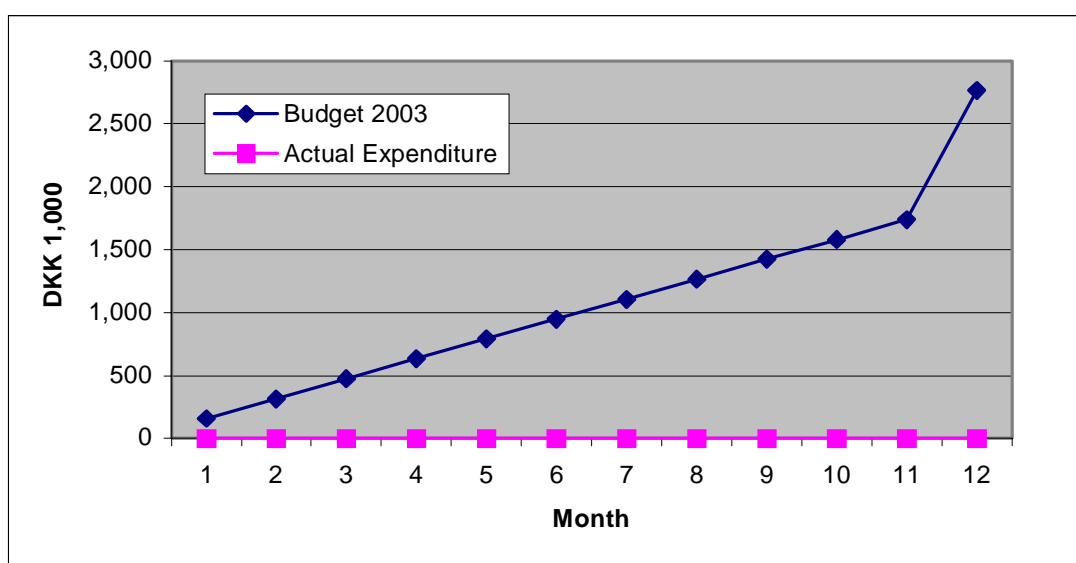
Báo cáo khởi động dự án của Tiểu hợp phần 1.2 từ Đại sứ quán Vương quốc Đan Mạch vào ngày 31 tháng 10 năm 2001.

Văn phòng Chiến lược Quốc gia được thành lập tại CERWASS ngày 1 tháng 3 năm 2002.

Quyết định số 99/2002/QĐ-Ttg của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban chủ nhiệm Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Cấp nước và Vệ sinh Nông thôn (CN & VSNT) ký ngày 23 tháng 7 năm 2002.

Cuộc họp đầu tiên của Ban chủ nhiệm Chương trình Mục tiêu Quốc gia CN & VSNT ngày 24 tháng 9 năm 2002

Ngày 3 tháng 10 năm 2002 Ban chủ nhiệm hỗ trợ ngành nước đồng ý tài trợ cho việc chuẩn bị vay tín dụng hỗ trợ phát triển quốc tế cho chương trình CN & VSNT sử dụng quỹ chưa phân bổ của Hỗ trợ ngành nước.



## Mục lục

<b>Trang số liệu then chốt.....</b>	<b>ii</b>
<b>Mục lục.....</b>	<b>iii</b>
<b>Danh sách phát tài liệu.....</b>	<b>v</b>
<b>Danh mục các thuật ngữ viết tắt.....</b>	<b>v</b>
<b>Tóm lược.....</b>	<b>vi</b>
<b>1. Giới thiệu.....</b>	<b>1</b>
1.1 Giới thiệu về Kế hoạch và ngân sách này.	1
1.2 Tiểu hợp phần 1.2	1
1.2.1 Viễn cảnh.	1
1.2.2 Cơ hội	2
1.2.3 Những thách thức	2
<b>2. Mục tiêu và cách tiếp cận.....</b>	<b>3</b>
2.1 Mục tiêu	3
2.2 Cách tiếp cận	3
<b>3. Đầu ra và các hoạt động.....</b>	<b>4</b>
3.1 Khung Logic	4
3.2 Đầu ra	4
3.3 Các hoạt động	4
3.4 Chỉ số và các phương tiện kiểm chứng	4
<b>4. Đóng góp đầu vào.....</b>	<b>5</b>
4.1 Danida	5
4.1.1 Hỗ trợ kỹ thuật.	5
4.1.2 Chi phí cho hoạt động và phát triển	5
4.2 Chính phủ Việt nam	5
<b>5. Các giả thuyết.....</b>	<b>7</b>
<b>6. Kế hoạch thực thi.....</b>	<b>8</b>
6.1 Kế hoạch 5 năm	8
6.2 Kế hoạch cho năm 2003	8

<b>7. Những khác biệt.....</b>	<b>10</b>
<b>8. Ngân sách .....</b>	<b>11</b>

## **PHỤ LỤC**

**Phụ lục 1: Hiện thực hoá chiến lược**

**Phụ lục 2: Khung lô gic đã được củng cố**

**Phụ lục 3: Thực trạng về “kết quả đầu ra” đã được củng cố**

## Danh sách phát tài liệu

Nơi nhận	Tiếng Anh	Tiếng Việt
Ban chỉ đạo Quốc gia (NSC)	-	12
Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	1	1
Ban Điều hành Chương trình Trung ương	2	2
Đại sứ quán Vương quốc Đan Mạch	2	2
Ban điều phối Chương trình tỉnh Đắk Lắk	1	1
Ban điều phối Chương trình tỉnh Hà Tĩnh	1	1
Ban điều phối Chương trình tỉnh Nghệ An	1	1
Công ty Carl Bro International	2	-
Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn TW	5	10
2.1 pCERWASS Đắk Lắk	-	1
2.2 pCERWASS Hà Tĩnh	-	1
2.3 pCERWASS Nghệ An	-	1
Các tổ chức tài trợ (AUSAID; JICA; Unicef)	5	-

## Danh mục các thuật ngữ viết tắt

Danida	Cơ quan Hỗ trợ Phát triển Quốc tế Đan Mạch
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
MoF	Bộ Tài chính
NSO	Văn phòng Chiến lược Quốc gia
NTP	Chương trình mục tiêu quốc gia về cấp nước và vệ sinh nông thôn
pCERWASS	Trung tâm nước sinh hoạt và sinh hoạt nông thôn Tỉnh
RWSS	Cấp nước và Vệ sinh Nông thôn
VBARD	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

## Tóm lược

Chiến lược đã giới thiệu một bước chuyển biến quan trọng trong lĩnh vực cấp nước nông thôn từ các dự án cung cấp theo chỉ tiêu đến hướng tiếp cận đáp ứng theo nhu cầu. Do chưa quen với phương pháp tiếp cận mới này nên phần lớn nỗ lực ban đầu nhằm hiện thực hoá Chiến lược chỉ tập trung cho phát triển các hoạt động Thông tin – Giáo dục – Truyền thông (IEC) và các giải pháp kỹ thuật được cải tiến. Trong điều kiện tốt nhất, những nỗ lực này cũng chỉ mới cải thiện phương pháp cung cấp theo chỉ tiêu hiện nay (chứ chưa thể làm thay đổi) vì nó chưa giải quyết được các vấn đề cốt lõi của Chiến lược, đó là:

Quyền thành lập nhóm người sử dụng nước, nhóm này có thể lập kế hoạch, xây dựng và vận hành các công trình cấp nước và vệ sinh nông thôn.

Có nguồn tín dụng và trợ cấp dài hạn để cung cấp tài chính một cách độc lập cho các công trình cấp nước và vệ sinh nông thôn.

Năm 2002 Văn phòng Chiến lược thuộc Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh Môi trường Nông thôn thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với sự hỗ trợ từ Hỗ trợ Chương trình ngành nước thông qua trọng tâm hai mặt nhằm đưa Chiến lược vào thực tiễn bằng cách: (i) tiến hành các hoạt động truyền thông; (ii) phát triển các công cụ nhằm xây dựng khung xã hội hóa cho cấp nước và vệ sinh nông thôn hiệu quả và hiệu lực có thể lồng ghép các vấn đề trên.

Các công cụ được xây dựng trong năm 2002 sẽ củng cố thêm kế hoạch công tác của Tiểu hợp phần 1.2 trong năm 2003 nhằm tập trung việc phổ biến và áp dụng thực tiễn những công cụ này ở các huyện thí điểm cũng như ở các huyện điểm của Hợp phần 2 do DANIDA tài trợ. Các hoạt động truyền thông được tiến hành năm 2002 chỉ đạt được những thành công hạn chế do thiếu ví dụ rõ ràng cho những nguyên tắc của Chiến lược được xác định là khó khăn chính cho việc thực hiện những hoạt động truyền thông này. Có thể tin tưởng rằng việc thành lập dịch vụ tư vấn cấp huyện hoạt động tốt ở một huyện điển hình sẽ thúc đẩy thực thi Chiến lược và thuyết phục được các nhà lãnh đạo bởi những ưu điểm của việc chấp thuận chiến lược này.

Tiểu hợp phần 1.2 ban đầu sẽ hỗ trợ các hoạt động ở huyện Chợ Gạo tỉnh Tiền Giang. Công việc này sẽ được sửa đổi và nhân rộng ra ba tỉnh thí điểm của DANIDA (của hợp phần 2) cũng như tỉnh Nam Định, nơi sẽ áp dụng những kinh nghiệm của đồng bằng sông Mê Kông và ở khu vực đồng bằng sông Hồng. Tiểu hợp phần 1.2 sẽ hợp tác chặt chẽ với IDE (tổ chức này sẽ được Sứ quán Đan Mạch hỗ trợ và vào năm 2003/2004 thông qua trợ cấp nhỏ của sứ quán) nhằm nhân rộng cách tiếp cận tiếp thị xã hội của tổ chức này.

Tiểu hợp phần sẽ tiếp tục hỗ trợ các hoạt động chia sẻ thông tin, xúc tiến cách tiếp cận khu vực diện rộng cũng như xây dựng năng lực cho Trung tâm NSH & VSNT.

Các giả thuyết được đưa ra có liên quan đến môi trường dự án bên ngoài với nguy cơ vừa và thấp có thể làm cho tiểu hợp phần không thể hoàn thành các hoạt động theo kế hoạch.

Ngân sách hiện có được xem là phù hợp với cấp độ các hoạt động được lập theo kế hoạch cho năm 2003.

## 1. Giới thiệu

### 1.1 Giới thiệu về Kế hoạch và ngân sách này.

Báo cáo bao gồm kế hoạch công tác và ngân sách cho năm 2003 của Tiểu hợp phần 1.2 – Hỗ trợ Chương trình ngành nước: Hỗ trợ Chiến lược Quốc gia về Cấp nước và vệ sinh nông thôn (Sau đây được gọi tắt là Chiến lược).

Kế hoạch công tác và ngân sách cho năm 2003 do Cố vấn kỹ thuật cấp cao Danida và cán bộ quản lý tiểu hợp phần chuẩn bị dựa trên những đóng góp đầu vào của các cán bộ của Trung tâm, các chuyên gia Tư vấn trong nước và Quốc tế do Hỗ trợ Chương trình ngành nước thuê.

Kế hoạch công tác và ngân sách cho năm 2003 được chia thành 7 phần như sau:

- Phần 1: giới thiệu về báo cáo, viễn cảnh, cơ hội, thách thức và hướng tiếp cận của Tiểu hợp phần.
- Phần 2 về mục tiêu và cách tiếp cận : liệt kê các mục tiêu của Tiểu hợp phần và mô tả các hướng tiếp cận đề xuất để hoàn thành các hoạt động đã được dự kiến cho năm 2003.
- Phần 3 về đầu ra và các hoạt động: mô tả các kết quả đầu ra sẽ được thực hiện trong năm 2003 và các hoạt động được xây dựng để đạt được các kết quả này. Có phần thảo luận sơ bộ về các chỉ số và các công cụ kiểm chứng.
- Phần 4 về các đóng góp đầu vào: mô tả các đóng góp dự kiến từ Danida, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn và các Tình thí điểm của Kế hoạch hành động Chiến lược.
- Phần 5 về các giả thuyết: Mô tả các vấn đề có thể dẫn đến chậm trễ , hoặc thậm chí cản trở, việc thực hiện kế hoạch của năm 2003
- Phần 6 về kế hoạch thực hiện: Trình bày kế hoạch cho năm 2003
- Phần 7 về các khác biệt chính : xem xét sự khác biệt giữa tài liệu mô tả tiểu hợp phần và kế hoạch cho năm 2003.
- Phần 8 về ngân sách: trình bày ngân sách cho năm 2003.

### 1.2 Tiểu hợp phần 1.2

#### 1.2.1 Viễn cảnh.

Viễn cảnh là trong 5 năm nữa, Việt nam sẽ có một Khung pháp lý và hành chính cho lĩnh vực cấp nước và vệ sinh nông thôn do các cơ quan chức năng về cung cấp dịch vụ cấp nước và vệ



sinh nông thôn thực hiện, các cơ quan này có thể hỗ trợ hiệu quả cho việc quản lý và thực hiện ở cấp Tỉnh.

Cụ thể, viễn cảnh của hỗ trợ thực thi Chiến lược ở cấp Quốc gia là hoạt động này sẽ đóng góp nhiều hơn cho việc nâng cao năng lực cho Trung tâm để điều phối và hỗ trợ các tỉnh thí điểm thực hiện Kế hoạch hành động Chiến lược.

### **1.2.2 Cơ hội**

Chiến lược xây dựng một cách tiếp cận mới đối với việc cung cấp các dịch vụ cho cấp nước và vệ sinh nông thôn ở Việt Nam, thay thế các dự án cung cấp theo chỉ tiêu bằng cách tiếp cận đáp ứng theo nhu cầu, cách tiếp cận này cho phép người sử dụng hoặc các tổ chức người sử dụng tập trung vào việc lựa chọn các mức độ dịch vụ, tập trung vào việc xây dựng, vận hành và bảo dưỡng các công trình cấp nước và vệ sinh. Chiến lược cũng được xây dựng đúng thời điểm khi Chính phủ chuyển hướng ưu tiên sang việc xã hội hoá cấp nước và vệ sinh nông thôn; việc giới thiệu thành công các nguyên tắc của Chiến lược cũng sẽ góp phần vào chương trình ưu tiên lâu dài của Chính phủ đối với việc xoá đói giảm nghèo ở các vùng nông thôn.

Việc thực hiện Kế hoạch hành động Chiến lược cũng tận dụng cơ hội tập trung xu hướng và các vấn đề phát triển có liên quan như: giới, dân chủ hoá và nền quản trị tốt, đây chính là những mục tiêu nổi trội mà Hỗ trợ phát triển của Đan Mạch (Danida) mong muốn xúc tiến như một phần hỗ trợ phát triển của tổ chức này.

### **1.2.3 Những thách thức**

Thách thức trước mắt đối với việc nâng cao năng lực để thực thi Chiến lược xoay quanh vấn đề về nhu cầu cấp thiết trao quyền CERWASS, nâng cao hiểu biết của các cơ quan trong và ngoài ngành về các nguyên tắc cơ bản của Chiến lược.

## 2. Mục tiêu và cách tiếp cận.

### 2.1 Mục tiêu

Mục tiêu tổng thể của Hỗ trợ Chương trình ngành nước là :

Nâng cao điều kiện sống cho người dân Việt nam bằng cách tạo điều kiện cho họ tiếp cận với các dịch vụ tốt hơn về cấp nước, đặc biệt là các đối tượng nghèo hoặc đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội

Mục tiêu cụ thể số 1 của Hỗ trợ Chương trình ngành nước, đồng thời cũng là mục tiêu tổng thể của Hợp phần Nâng cao năng lực Quốc gia, đó là :

Một khuôn khổ pháp lý và thể chế thuận lợi cho việc sử dụng bền vững tài nguyên nước và cung cấp các dịch vụ về nước, có các cán bộ có năng lực thực hiện việc quản lý và thi hành ở cấp Trung ương và cấp Tỉnh.

Mục tiêu cụ thể của Tiểu hợp phần 1.2 – Hỗ trợ Chương trình ngành nước là :

Một CERWASS đã được kiện toàn có đủ khả năng để điều phối thực thi Chiến lược.

Đầu ra và các hoạt động dự kiến cho năm 2002 sẽ đóng góp cho mục tiêu này thông qua việc xây dựng một khung về xã hội hoá cấp nước và vệ sinh nông thôn hiệu quả; hiệu lực và hiện thực. Đầu ra và các hoạt động này cũng sẽ đóng góp cho mục tiêu tổng thể của Kế hoạch hành động Chiến lược, đó là :

Một Chiến lược sẽ được đưa vào hoạt động trên cả nước trước năm 2006

### 2.2 Cách tiếp cận

Chiến lược được dựa trên một số nguyên tắc, những nguyên tắc này phải được thử nghiệm và áp dụng ở các điều kiện thí nghiệm khác nhau, tại các địa phương cụ thể ở các Huyện và các Tỉnh khác nhau của Việt nam. Nói một cách cụ thể là nảy sinh nhu cầu cấp thiết đối với việc xây dựng khung xã hội hoá Cấp nước và vệ sinh nông thôn và đưa khung này vào hoạt động.

Các hoạt động dự kiến của Hỗ trợ Chương trình ngành nước cho năm 2003 được thiết kế nhằm phát triển mô hình dịch vụ tư vấn cấp huyện nhằm hỗ trợ từng bước cho tiến trình xã hội hoá.

Các hoạt động dự kiến sẽ được thực hiện ở hai tỉnh không có sự hỗ trợ của các nhà tài trợ nhằm đảm bảo giải pháp đã được xác định có thể nhân rộng ra các tỉnh khác.

Quá trình thành lập mô hình dịch vụ tư vấn cấp huyện sẽ hỗ trợ xã hội hoá cấp nước và vệ sinh nông thôn cung cấp cho Trung tâm NSH & VSNT một phương thức hoạt động nhằm phát triển năng lực học hỏi thể chế thông qua cách tiếp cận học qua thực tiễn.

### 3. Đầu ra và các hoạt động

#### 3.1 Khung Lô gíc

Khung lô gíc đã được củng cố cho tiểu hợp phần, xây dựng trong báo cáo khởi động, được tài nh bày lại tại Phụ lục số 2.

#### 3.2 Đầu ra

“Các kết quả đầu ra” của Tiểu hợp phần trong Khung lô gíc đã được củng cố đều không thay đổi. Cụ thể về các kết quả này được tài nh bày ở Phụ lục 3.

Kết quả dự kiến phát sinh từ các hoạt động đã được thiết kế cho năm 2003 bao gồm:

Mô hình dịch vụ tư vấn cấp huyện được phát triển

Thông tin về các vấn đề của Chiến lược và những kinh nghiệm điển hình được chia sẻ

Cách tiếp cận khu vực diện rộng được thúc đẩy

Chương tài nh Mục tiêu Quốc gia/Văn phòng Chiến lược Quốc gia được củng cố

#### 3.3 Các hoạt động

Các hoạt động dự kiến cho năm 2003 được liệt kê trong kế hoạch thực thi được tài nh bày ở phần 7 và không được nhắc lại ở phần này nhằm đảm bảo tính ngắn gọn của báo cáo.

#### 3.4 Chỉ số và các phương tiện kiểm chứng

Chỉ số của kết quả đầu ra và phương tiện kiểm chứng đã được xây dựng trong báo cáo khởi động, và được đưa vào khung lô gíc đã được củng cố của Tiểu hợp phần được tài nh bày tại phụ lục 2, toàn bộ các nội dung này sẽ không thay đổi cùng với thời hạn giá trị của kế hoạch công tác này.

## 4. Đóng góp đầu vào

### 4.1 Danida

Để giúp CERWASS xây dựng kế hoạch các hoạt động cho năm 2003 Danida sẽ hỗ trợ kỹ thuật và các chi phí cho vận hành và phát triển.

#### 4.1.1 Hỗ trợ kỹ thuật.

Có một Cố vấn kỹ thuật cấp cao Danida được tuyển dụng làm việc chuyên nhiệm tại Trung tâm. Chi phí cho Cố vấn này được trả từ nguồn ngân sách của Danida, chứ không lấy từ ngân sách của Tiểu hợp phần.

Công ty tư vấn Carl Bro sẽ cung cấp các chuyên gia tư vấn ngắn hạn theo hướng đáp ứng theo nhu cầu. [Đầu vào từ công ty Carl Bro được ký hợp đồng trực tiếp với Danida Copenhagen và chi phí cho các đóng góp đầu vào được tính trên cơ sở của tài liệu mô tả hợp phần theo tỷ lệ 20:80 giữa hợp phần 1 và hợp phần 2]. Năm 2003 dự kiến công ty tư vấn Carl Bro cung cấp 37 tháng nhân công đầu vào cho lĩnh vực cấp nước và vệ sinh nông thôn.

Các Chuyên gia tư vấn Quốc gia do Chương trình tuyển dụng cũng đã giúp Trung tâm trong việc tăng cường phần kiến thức còn thiếu. Đề cương công tác cho Chuyên gia tư vấn trong nước do Cố vấn kỹ thuật cấp cao Danida và cán bộ quản lý Tiểu hợp phần chuẩn bị, giám đốc Tiểu hợp phần phê duyệt. Ngoài ra có tham khảo ý kiến của Chuyên gia Tư vấn Carl Bro đối với các lĩnh vực có liên quan trước khi ký kết hợp đồng. Hướng dẫn của Liên minh Châu Âu về “Chi phí địa phương trong hợp tác phát triển với Việt nam” cũng được áp dụng khi ký hợp đồng với tất cả các Tư vấn trong nước.

Hỗ trợ kỹ thuật trong nước và Quốc tế chiếm 47% ngân sách do Danida hỗ trợ, điều này cũng phản ánh đúng bản chất của Tiểu hợp phần là nâng cao năng lực.

#### 4.1.2 Chi phí cho hoạt động và phát triển

Ngân sách được phân bổ để trang trải cho các hoạt động sau : chi phí văn phòng, chi phí cho tuyển dụng và trả lương cho các cán bộ chuyên môn của Chương trình cũng như các chi phí đi lại, vận chuyển. Chi phí cho các hoạt động này chiếm 20% tổng ngân sách.

Ngân sách cho các hoạt động phát triển bao gồm phát triển nguồn nhân lực của Trung tâm NSH & VSNT, các hoạt động thông tin-giáo dục-truyền thông cho Chiến lược, hội nghị và hội thảo. Ngân sách cho các hoạt động này chiếm 22% tổng ngân sách

### 4.2 Chính phủ Việt nam

Hiện thực hoá Chiến lược là nhiệm vụ cốt lõi của Chính phủ đòi hỏi có sự tham gia bán chuyên nhiệm của các cán bộ từ nhiều lĩnh vực khác nhau từ các Bộ ban ngành khác nhau. Việc xác định và lượng hoá các đóng góp đầu vào đã được cung cấp từ Chính phủ là rất khó do đó chỉ có một cách thiết thực nhất là giả thuyết rằng Chính phủ sẽ cung cấp tất cả các hoạt động đầu vào cần thiết, nhiều hơn và ở tầm cao hơn so với các đóng góp của Danida và các nhà tài trợ khác. Nếu các giả thuyết này không xảy ra, điều đó có nghĩa rằng nó báo hiệu một sự thay đổi trong

thứ tự ưu tiên và mức độ tham vọng và như vậy lĩnh vực hoạt động của Hỗ trợ chương trình ngành nước đối với Cấp nước và vệ sinh nông thôn cần được đánh giá lại.

Dự kiến rằng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh nông thôn sẽ cung cấp đầy đủ cán bộ cần thiết để có thể thực hiện được nhiệm vụ và các hoạt động đã đặt ra trong kế hoạch.

## 5. Các giả thuyết

Kế hoạch thực thi cho năm 2003 được dựa trên cơ sở những giả thuyết sau:

- **Các hoạt động IEC của CERWASS, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, quản lý chất lượng, các nhóm chuyên đề tài chính và giám sát tiếp tục hợp tác với Văn phòng Chiến lược Quốc gia** Đây dường như là một giả thuyết với mức độ rủi ro thấp do Văn phòng Chiến lược Quốc gia đang hỗ trợ các kế hoạch làm việc do chính các nhóm chuyên đề xây dựng và đề xuất.
- **Các tỉnh đối tác có đủ năng lực xây dựng chương trình cho Kế hoạch hành động Chiến lược.** Đây được coi là giả thuyết với rủi ro thấp do các hoạt động chủ yếu trong năm 2003 được tiến hành ở Tiền Giang và Nam Định, những tỉnh mạnh của Việt Nam.
- **Các tỉnh sẵn sàng dành ngân sách nhằm hỗ trợ cho các hoạt động thực tiễn và cán bộ của Chính phủ sẵn sàng hợp tác.** Đây là giả thuyết với mức độ rủi ro vừa vì Văn phòng Chiến lược Quốc gia đang hỗ trợ các hoạt động đã được các tỉnh xác định là những lĩnh vực họ cần như một phần trong Chương trình cấp nước và vệ sinh nông thôn của tỉnh.
- **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam sẽ tiếp tục hợp tác với Hỗ trợ Chương trình ngành nước.** Đây được coi là giả thuyết với rủi ro thấp.

## **6. Kế hoạch thực thi**

### **6.1 Kế hoạch 5 năm**

Hỗ trợ của WaterSPS đối với CERWASS thông qua tiểu hợp phần 1.2 được thực hiện trong khuôn khổ của Kế hoạch hành động Chiến lược mô tả trong Chiến lược Quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 104, tháng 8 năm 2000.

Ngoài việc giúp đỡ nâng cao năng lực nói chung cho Trung tâm trong giai đoạn 5 năm của Hỗ trợ chương trình ngành nước, dự kiến rằng Tiểu hợp phần sẽ giữ vai trò dẫn đầu trong lĩnh vực thông tin – giáo dục – Truyền thông và việc thể chế hoá Quỹ quốc gia cho Cấp nước và vệ sinh nông thôn. Phối hợp với Tiểu hợp phần 1.1 (Thực thi Luật tài nguyên nước), Hỗ trợ chương trình ngành nước cũng sẽ đóng góp đáng kể cho việc thiết lập một khung pháp lý và điều tiết cần thiết phục vụ cho việc thực thi chiến lược.

### **6.2 Kế hoạch cho năm 2003**

Kế hoạch thực thi cho năm 2003, được trình bày ở trang tiếp theo, bao gồm các nhiệm vụ và hoạt động cần thiết để thành lập dịch vụ tư vấn cấp huyện, ít nhất là một huyện thí điểm vào cuối năm 2003. Các tiểu nhiệm vụ sẽ được xây dựng nên bởi các nhóm chuyên đề của CERWASS phối hợp chặt chẽ với sự hỗ trợ kỹ thuật của trong nước và quốc tế được thuê thông qua tiểu hợp phần.

Tiểu hợp phần hỗ trợ việc phát triển các ý tưởng và khái niệm mới và từng bước xây dựng một cách tiếp cận linh hoạt với những thay đổi ở mức độ nhất định nhằm đạt được những mốc quan trọng đã đặt ra. Kế hoạch quá cứng nhắc sẽ bị phản tác dụng trong những trường hợp này. Hơn nữa, một số bất đồng giữa các kế hoạch có thể có do mỗi tiểu hợp phần cần phải tiếp tục hưởng ứng lại các ý tưởng do trình bày đề xướng.

**Bảng 7.1: Kết quả, hoạt động và nhiệm vụ cho Kế hoạch công tác năm 2003 tiểu hợp phần 1.2**

#	Nhiệm vụ	Tuần thứ																																																			
		Tháng 1					Tháng 2				Tháng 3				Tháng 4				Tháng 5				Tháng 6				Tháng 7				Tháng 8				Tháng 9				Tháng 10				Tháng 11				Tháng 12						
Kết quả 1 năm 2003: <b>Mô hình dịch vụ tư vấn cấp huyện trong lĩnh vực CN &amp; VSNT được phát triển</b>																																																					
Hoạt động 1.1: <b>Khung luật và thể chế nhằm phát triển các dịch vụ CN &amp; VSNT</b>																																																					
1	Nhiệm vụ 1.1.1 Tư vấn của các bên cùng tham gia về các vấn đề chính trong lĩnh vực CN & VSNT																																																				
2	Nhiệm vụ 1.1.2 Dự thảo xúc tiến chỉ thị của tỉnh về CN & VSNT																																																				
3	Nhiệm vụ 1.1.3 Quá trình phê chuẩn nhằm ban hành chỉ thị về CN & VSNT																																																				
4	Nhiệm vụ 1.1.4 Phổ biến rộng rãi chỉ thị mới về CN & VSNT																																																				
5	Nhiệm vụ 1.1.5 Lập kế hoạch chiến lược nhằm thực hiện chỉ thị																																																				
Hoạt động 1.2: <b>Tiếp thị xã hội hiệu quả nhằm đầu tư cho các dịch vụ CN &amp; VSNT</b>																																																					
6	Nhiệm vụ 1.2.1 Nghiên cứu khảo sát các tính thí điểm của IDE																																																				
7	Nhiệm vụ 1.2.2 Lập kế hoạch công tác và ký hợp đồng với IDE nhằm tiếp thị xã hội cho CN & VSNT																																																				
8	Nhiệm vụ 1.2.3 Lập chiến lược tiếp thị xã hội và chuẩn bị tài liệu																																																				
9	Nhiệm vụ 1.2.4 Thực hiện chiến lược tiếp thị xã hội																																																				
10	Nhiệm vụ 1.2.5 Giám sát tính hiệu quả của việc tiếp thị xã hội																																																				
Hoạt động 1.3: <b>Thiết lập và quản lý các nhóm sử dụng nước</b>																																																					
11	Nhiệm vụ 1.3.1 Chuẩn bị kế hoạch thử nghiệm cắm nang thiết lập CTCN và các tài liệu truyền thông																																																				
12	Nhiệm vụ 1.3.2 Hoàn thiện bản thử nghiệm của cắm nang thiết lập công trình cấp nước (CTCN)																																																				
13	Nhiệm vụ 1.3.3 Tiến hành và giám sát thử nghiệm ở địa phương của cắm nang thiết lập CTCN																																																				
14	Nhiệm vụ 1.3.4 Thiết kế/in ấn các tài liệu truyền thông cuối cùng cho cắm nang thiết lập CTCN																																																				
15	Nhiệm vụ 1.3.5 Hoàn thiện các phụ lục của cắm nang quản lý CTCN																																																				
16	Nhiệm vụ 1.3.6 Chuẩn bị kế hoạch thử nghiệm cắm nang quản lý CTCN và các tài liệu truyền thông																																																				
17	Nhiệm vụ 1.3.7 Tiến hành và giám sát thử nghiệm ở địa phương của cắm nang quản lý CTCN																																																				
18	Nhiệm vụ 1.3.8 Thiết kế/in ấn các tài liệu truyền thông cuối cùng cho cắm nang quản lý CTCN																																																				
19	Nhiệm vụ 1.3.9 Chuẩn bị kế hoạch phổ biến tài liệu (cho kế hoạch công tác năm 2004)																																																				
Hoạt động 1.4: <b>Tài trợ đầu tư cho các dịch vụ CN &amp; VSNT</b>																																																					
20	Nhiệm vụ 1.4.1 Giám sát và hỗ trợ cơ chế tài chính cho quỹ bảo lãnh vốn vay và quỹ trợ cấp cho các tỉnh thí điểm																																																				
21	Nhiệm vụ 1.4.2 Đề xuất với Bộ Tài chính về Quỹ hỗ trợ phát triển cho lĩnh vực CN & VSNT																																																				
22	Nhiệm vụ 1.4.3 Quy trình thiết lập tính giá nước và khấu hao																																																				
23	Nhiệm vụ 1.4.4 Thiết lập cơ chế tài chính cho các nhóm yếu thế																																																				
24	Nhiệm vụ 1.4.5 Tổ chức hội nghị khu vực về cung cấp tài chính cho các mô hình CN & VSNT																																																				
Hoạt động 1.5: <b>Giám sát thực hiện theo phương pháp cùng tham gia các công trình cấp nước tập trung</b>																																																					
25	Nhiệm vụ 1.5.1 Xác định mục đích và phạm vi việc giám sát thực hiện																																																				
26	Nhiệm vụ 1.5.2 Xây dựng đề án cho hoạt động giám sát thực hiện theo phương pháp cùng tham gia																																																				
27	Nhiệm vụ 1.5.3 Thiết lập hệ thống giám sát cùng tham gia cấp huyện																																																				
28	Nhiệm vụ 1.5.4 Thu thập, xử lý, phân tích và sử dụng số liệu nhằm nâng cao chất lượng thực hiện																																																				
29	Nhiệm vụ 1.5.5 Đưa ra và đánh giá các mẫu biểu giám sát thực hiện																																																				
Kết quả 2 năm 2003: <b>Thông tin về các vấn đề chiến lược và chia sẻ các kinh nghiệm hay</b>																																																					
Hoạt động 2.1: <b>Bản tin hàng quý của TT NSH &amp; VSMTNT</b>																																																					
Hoạt động 2.2: <b>Trang web của TT NSH &amp; VSMTNT</b>																																																					
Hoạt động 2.3: <b>Hệ thống số liệu hình ảnh cho CN &amp; VSNT</b>																																																					
Kết quả 3 năm 2003: <b>Cách tiếp cận ngành điện rộng trong lĩnh vực CN &amp; VSNT được xúc tiến</b>																																																					
Hoạt động 3.1: <b>Điều phối đánh giá ngành phối hợp trong lĩnh vực CN &amp; VSNT</b>																																																					
Hoạt động 3.2: <b>Tiếp tục hỗ trợ đề xuất dự án vay tín dụng-hỗ trợ phát triển quốc tế</b>																																																					
Kết quả 4 năm 2003: <b>Chương trình Mục tiêu Quốc gia/Văn phòng Chiến lược quốc gia được củng cố</b>																																																					
Hoạt động 4.1: <b>Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực được thực hiện</b>																																																					
Hoạt động 4.2: <b>Kế hoạch quản lý chất lượng được thực hiện</b>																																																					

Hoạt động chuyên sâu
  Hoạt động tiếp tục



## 7. Những khác biệt

Báo cáo khởi động dự án đã đánh giá lại khung logic ban đầu trong tài liệu mô tả hợp phần theo tiến độ Cấp nước và vệ sinh nông thôn Việt nam kể từ khi xây dựng tài liệu mô tả hợp phần và kinh nghiệm thu được từ giai đoạn mở rộng pha khởi động của tiểu hợp phần. Kết luận thu được là Chương trình mục tiêu quốc gia đã tiến triển hơn rất nhiều so với dự đoán và Kế hoạch hành động Chiến lược, được đánh giá là phi thực tế từ năm 1999, nay có thể thực hiện được mặc dù sẽ có những chậm trễ nhất định.

Đối với hoạt động phát triển, nhận thấy rằng tài liệu mô tả hợp phần đã giới thiệu một dự án, trong đó:

- giả thuyết đưa ra rằng tiên phong trong việc thực hiện Chiến lược chủ yếu diễn ra ở các tỉnh có tài trợ của hỗ trợ chương trình ngành nước.
- xây dựng, chỉ đạo và hỗ trợ thực hiện mới diễn ra ở cấp trung ương chứ không phát huy các kinh nghiệm đã có được ở cấp Tỉnh.
- chưa lồng ghép được các hoạt động của dự án với Chương trình mục tiêu Quốc gia và Kế hoạch hành động Chiến lược.

Những thiếu sót này đã được giải quyết khi lập kế hoạch cho năm 2002.

Tiểu hợp phần sẽ tập trung hỗ trợ vào năm 2003 ở tỉnh Tiền Giang và Nam Định nhằm điều phối việc thực thi Kế hoạch Hành động Chiến lược. Tiểu hợp phần cũng sẽ củng cố Văn phòng Chương trình Mục tiêu Quốc gia và CERWASS. Mối liên hệ với các tỉnh thí điểm do DANIDA tài trợ trong việc thử nghiệm Chiến lược thực tế yếu hơn dự kiến trong mô tả hợp phần do các tỉnh được lựa chọn dựa trên cơ sở “cần” hơn là “có khả năng”.

Tuy nhiên, tất cả những “đầu ra” được mô tả trong tiểu hợp phần sẽ được hoàn thành, mặc dù ở hình thức nổi bật.

## 8. Ngân sách

Tổng ngân sách cho tiểu hợp phần 1.2 – Hỗ trợ chương trình ngành nước, kể cả quỹ dự phòng, trong giai đoạn từ năm 2001-2005 là 12.700.000 DKK. Kế hoạch cho 5 năm đã được điều chỉnh và cập nhật trong báo cáo khởi động của tiểu hợp phần và được trình bày lại tại bảng 8.1 dưới đây:

Bảng 8.1: Ngân sách cho năm năm đã được cập nhật

Dòng NS	Hoạt động	Ngân sách ban đầu	Điều chỉnh	Ngân sách hiện tại	Đã sử dụng trong năm 2000	2001	2002	2003	2004	2005
121001	Chi phí hoạt động	1,900	-1,250	650	0	110	135	150	100	50
121210	Hỗ trợ kỹ thuật trong nước	800		800	0	300	300	268	40	40
121220	Cán bộ trong nước	714	656	1,370	0	130	370	370	130	130
121300	Đi lại, vận chuyển	525		525	0	100	125	179	80	60
121400	Thiết bị và xe cộ	1,015	-110	905	300	515	90	67	0	0
121500	Phát triển nguồn nhân lực	735	290	1,025	0	170	300	125	100	100
121.2	Hoạt động	5,689	-414	5,275	300	1,325	1,320	1,159	450	380
221510	Thông tin	1,000		1,000	0	130	420	500	100	50
221530	Hội thảo và hội nghị	160	415	575	0	100	250	306	30	30
22	IEC cho Chiến lược Quốc gia	1,160	415	1,575	0	230	670	806	130	80
62	T vấn Quốc tế	5,250		5,250	1,384	594	775	800	1,200	497
89	Quỹ dự phòng	601	-1	600	0	0	0	0	0	600
	Tổng số	12,700	0	12,700	1,684	2,149	2,765	2,765	1,780	1,557

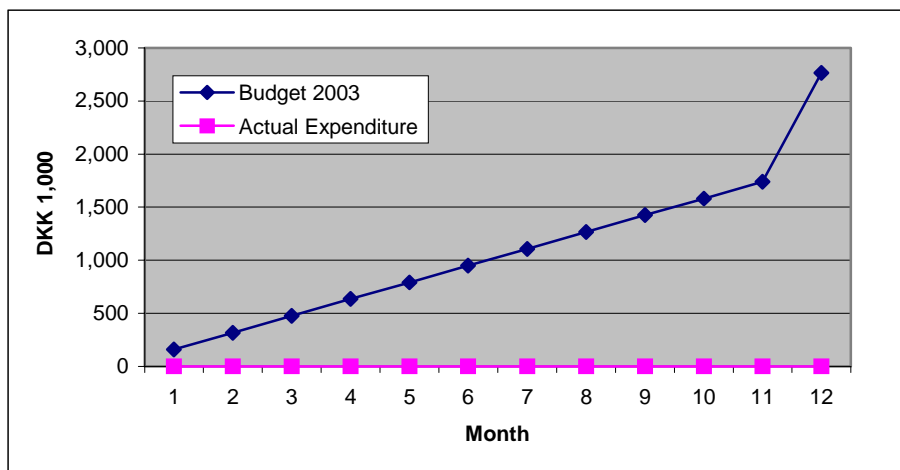
Theo ngân sách 5 năm đã được cập nhật ở trên, tổng ngân sách đề xuất cho năm 2003 là 2.765.000 DKK. Phần chia nhỏ cho hàng tháng cho các hoạt động đã được lập kế hoạch cho năm 2003 được trình bày tại bảng 8.2.

Bảng 8.2: Ngân sách đề xuất cho từng tháng của năm 2003

Dòng NS	Hoạt động	Ngân sách 2003	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Số dư
121001	Chi phí hoạt động	150	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	150
121210	Hỗ trợ kỹ thuật trong nước	268	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	268
121220	Cán bộ trong nước	370	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	370
121300	Đi lại, vận chuyển	179	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	179
121400	Thiết bị và xe cộ	67												67	67
121500	Phát triển nguồn nhân lực	125	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	125
121.2	Hoạt động	1,159	91	91	91	91	91	91	91	91	91	91	91	158	1,159
221510	Thông tin	500	42	42	42	42	42	42	42	42	42	42	42	42	500
221530	Hội thảo và hội nghị	306	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	306
22	IEC cho Chiến lược Quốc gia	806	67	67	67	67	67	67	67	67	67	67	67	67	806
62	T vấn Quốc tế	800	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	800	800
89	Quỹ dự phòng	0													0
	Tổng số	2,765	158	158	158	158	158	158	158	158	158	158	158	1,025	2,765

Chi phí thực tế trong năm 2003 sẽ được giám sát hàng tháng dựa trên ngân sách đã được phê duyệt. Những chênh lệch chi nh sẽ được ghi lại trong bảng ngân sách điều chỉnh và kịp thời báo cho Ban điều hành Chương trình Trung ương và Đại sứ quán vương quốc Đan Mạch được biết và/hoặc phê duyệt. Ngân sách lũy tiến đề xuất cho năm 2003 được minh họa tại đồ thị 8.1 dưới đây:

Đồ thị số 8.1: Ngân sách và chi phí thực tế cho năm 2003



Sở dĩ có sự tăng vọt về chi phí dự kiến như thể hiện trên đồ thị và o cuối năm là do 20% đóng góp của tiểu hợp phần trả cho công ty Tư vấn Carl Bro, khoản này sẽ được chuyển cho Hợp phần 2 và o tháng 12 hàng năm.

## Phụ lục 1: Hiện thực hoá chiến lược

### Xác định Chiến lược

Phương châm hai mặt của Chiến lược là :

**Phát huy nội lực của dân cư nông thôn**, dựa vào nhu cầu, trên cơ sở đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư, xây dựng và quản lý, đồng thời tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong các dịch vụ cung cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn. Người sử dụng quyết định mô hình cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn phù hợp với khả năng cung cấp tài chính, tổ chức thực hiện và quản lý công trình. Nhà nước đóng vai trò hướng dẫn và hỗ trợ, có chính sách giúp đỡ các gia đình thuộc diện chính sách, người nghèo, vùng dân tộc ít người và một số vùng đặc biệt khó khăn.

**Hình thành thị trường cho cấp nước và vệ sinh nông thôn** theo định hướng của Nhà nước.

Nguyên tắc cơ bản của Chiến lược là phát triển bền vững

**Nguyên tắc này coi trọng sự phát triển vững chắc:** làm đâu được đấy, hơn là sự phát triển nhanh nhưng nóng vội, làm xong lại hỏng phải làm lại. Rút cục lại chậm và tốn kém hơn. Đồng thời phải đảm bảo phát triển trước mắt không làm tổn hại đến tương lai và khai thác hợp lý nguồn tài nguyên nước.

Muốn đạt được bền vững thì phải:

1. Đảm bảo có nguồn tài chính liên tục và kịp thời, không những chỉ để xây dựng mà còn để quản lý vận hành và thay thế khi công trình hết thời hạn sử dụng (bền vững về tài chính)
2. Phải có người chủ sở hữu rõ ràng để quan tâm bảo vệ giữ gìn công trình cũng như quan tâm đến việc sử dụng liên tục và kéo dài thời gian khai thác (bền vững về sử dụng)
3. Đảm bảo khả năng hoạt động thường xuyên và lâu dài của công trình. Tức là phải có bộ máy quản lý (dù là đơn giản), có công nghệ thích hợp, có chăm sóc bảo dưỡng, có người biết vận hành, có mạng lưới dịch vụ sửa chữa, có vật tư phụ tùng thay thế để kiểm. (bền vững về hoạt động)

Cách tiếp cận chung của chiến lược dựa trên ba nguyên tắc sau:

**Xã hội hóa lĩnh vực cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn** là vận động và tổ chức, tạo cơ sở pháp lý để huy động sự tham gia đóng góp tích cực và nhiều mặt của mọi thành phần kinh tế và cộng đồng dân cư trong đầu tư vốn, thi công xây lắp, sản xuất thiết bị phụ tùng, các dịch vụ sửa chữa và quản lý vận hành. Khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư xây dựng công trình Cấp nước sạch & Vệ sinh nông thôn nhất là công trình cấp nước tập trung. Cơ quan quản lý Nhà nước rút khỏi kinh doanh xây dựng công trình cấp nước sạch và vệ sinh, công việc này giao cho các nhà thầu là doanh nghiệp Nhà nước hoặc Công ty tư nhân đảm nhận thông qua đấu thầu cạnh tranh. Hình thành thị trường các dịch vụ cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn theo định hướng của Nhà nước.

Cách **Tiếp cận dựa trên nhu cầu** sẽ thay thế cho cách tiếp cận dựa vào cung cấp trước đây. Có nghĩa là người sử dụng sau khi được cung cấp các tư vấn cần thiết sẽ:

1. Quyết định loại hình cấp nước và vệ sinh nông thôn mà mình mong muốn, cách tổ chức thực hiện và cách thức chi trả cho xây dựng công trình.
2. Tự xây dựng hoặc thuê nhà thầu xây dựng công trình.

3. Quản lý việc vận hành và bảo dưỡng công trình.

Các cơ quan Nhà nước và các nhà tài trợ sẽ đóng vai trò hướng dẫn và hỗ trợ chứ không làm thay.

Cách tiếp cận đáp ứng theo nhu cầu là nhằm phát huy tối đa nội lực càng được thực hiện càng sớm càng tốt. Cố gắng đến năm 2005, toàn bộ Infra cơ CẤP nước sạch và vệ sinh nông thôn sẽ được thực hiện hoàn toàn dựa theo cơ chế của cách tiếp cận.

**Trả các chi phí**, Về nguyên tắc, người sử dụng sẽ chịu toàn bộ chi phí xây dựng và vận hành các công trình Cấp nước sạch & Vệ sinh nông thôn. Tuy nhiên, Nhà nước sẽ trợ cấp cho một số đối tượng người sử dụng và một số loại hình công nghệ nhất định sau đây

1. Người nghèo, người rất nghèo và các hộ gia đình chính sách xã hội, những hộ khó khăn trong cuộc sống.
2. Các hệ thống cấp nước tập trung được Nhà nước khuyến khích
3. Một số trường hợp đặc biệt khác

Trong mọi trường hợp, người sử dụng sẽ trả toàn bộ chi phí vận hành, và kiểm soát tất cả các chi phí : xây dựng, vận hành và quản lý. Chiến lược cũng đưa ra 5 hướng dẫn chỉ đạo thực hiện sau đây.

1. Để cho người sử dụng tự quyết định lựa chọn công nghệ, địa điểm công trình cấp nước tập trung, mức phục vụ, tổ chức thực hiện. Các cơ quan Nhà nước không làm thay mà chỉ làm nhiệm vụ tư vấn và quản lý.
2. Người sử dụng phải trả các chi phí về xây dựng và quản lý vận hành. Nhà nước chỉ hỗ trợ người nghèo, các gia đình chính sách ưu tiên và một số loại hình công nghệ cần khuyến khích.
3. Các chương trình Thông tin - Giáo dục - Truyền thông hướng dẫn người sử dụng hiểu biết về công nghệ, kỹ thuật, quản lý vận hành, cơ chế tài chính, tín dụng, để giúp họ ra các quyết định đúng đắn phải được tiến hành trước khi lập dự án hay xây dựng công trình.
4. Cách thức tổ chức quản lý vận hành các công trình Cấp nước sạch & Vệ sinh nông thôn dùng chung cho nhiều hộ (ví dụ như hệ thống cấp nước tập trung bằng đường ống) phải được thiết lập một cách cụ thể rõ ràng trước khi xây dựng công trình.
5. Các công nghệ tiên tiến và công nghệ thích hợp (là công nghệ dễ vận hành; sử dụng các phụ tùng thay thế, thiết bị và nguyên vật liệu được sản xuất ở địa phương hoặc trong nước; đã được thử nghiệm và chứng tỏ tin cậy bền vững; không quá đắt, được người sử dụng chấp nhận và không tác động xấu đến môi trường) được Nhà nước khuyến khích giúp đỡ, còn các công nghệ có hại cho sức khỏe và môi trường phải loại bỏ.

Chiến lược cũng đưa ra một lời cảnh báo không mấy sáng sủa:

Nếu trong chỉ đạo Chiến lược không quyết tâm thực hiện các hướng dẫn có nguyên tắc này thì rất cuộc sẽ quay trở lại cách tiếp cận dựa vào cung cấp và không thể đảm bảo được Infra bền vững.

## Xác định các vấn đề.

Như đã xác định ở trên, Chiến lược đã giới thiệu một sự chuyển đổi quan trọng đối với lĩnh vực cấp nước và vệ sinh nông thôn. Đồng thời chính sách phi tập trung hoá của Nhà nước đã giao trách nhiệm thực thi Chiến lược cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh và Huyện.

Do chưa quen với phương pháp tiếp cận mới này nên để hiện thực hoá Chiến lược, mới chỉ tập trung phần lớn nỗ lực ban đầu cho phát triển các hoạt động Thông tin – Giáo dục – Truyền thông (IEC) và các giải pháp kỹ thuật được cải tiến. Hiển nhiên là các hoạt động này giúp cho người dân hiểu được rõ hơn về các dịch vụ họ sẽ được hưởng và tăng sự tự nguyện góp vốn và chi trả cho các chi phí vận hành và bảo dưỡng song trong điều kiện tốt nhất, những nỗ lực này cũng chỉ mới cải thiện phương pháp cung cấp theo chỉ tiêu trước đây (chứ chưa thể làm thay đổi), người sử dụng vẫn đóng vai trò thụ động trong các hoạt động của dự án vì họ không thể:

- tự khởi xướng một cách độc lập việc xây dựng các công trình công cộng.
- tự tổ chức thành các đơn vị pháp nhân.
- chấp thuận (hay từ chối) kế hoạch thực hiện cho các công trình của họ.
- tiếp cận nguồn vốn vay dài hạn cho việc xây dựng các công trình
- quản lý nguồn vốn mà họ “phải” đóng góp.
- giám sát chất lượng công trình do các đơn vị khác làm thay.
- tự quy định giá nước một cách độc lập

Để hiện thực hoá được Chiến lược theo đường lối dự định đòi hỏi phải có sự ra đời của một khung pháp lý và điều tiết rõ ràng và tổ chức của các cơ quan Nhà nước cần được củng cố, điều này giúp cho các cá nhân, công ty tư nhân và cộng đồng (chẳng hạn như thông qua các Công ty do người sử dụng làm chủ) có quyền xây dựng các công trình cấp nước và vệ sinh theo sự lựa chọn của mình.

## Xác định giải pháp

Quá trình xây dựng và duy trì các công trình Cấp nước nông thôn công cộng theo cách tiếp cận cùng tham gia, đáp ứng theo nhu cầu, sẽ có 7 bước riêng biệt đặc thù như sau:

- **Tạo động lực**, nhằm tạo nhu cầu thực sự trong cộng đồng về các công trình CN và VS được cải thiện.
- **Tổ chức** tạo khung nhằm đảm bảo quyền sở hữu chứ không chỉ tham gia trong quá trình xây dựng.
- **Lập kế hoạch**, để đảm bảo tính khả thi của kế hoạch hoạt động nói chung cho công trình và đảm bảo thẩm định thương mại khả dĩ (mang tính thực tế).
- **Cung cấp tài chính**, tạo điều kiện cho người sử dụng nước có cơ hội tiếp cận trực tiếp với nguồn cung cấp tài chính nhằm tạo cách tiếp cận thực sự đáp ứng theo nhu cầu và đảm bảo rằng vai trò của chính quyền Tỉnh là cơ quan tạo điều kiện hỗ trợ chứ không phải đơn vị cung cấp tài chính.

- **Xây dựng**, dưới sự giám sát trực tiếp, chặt chẽ của người dân để đảm bảo chất lượng được cải thiện và/hoặc chi phí thấp hơn.
- **Duy trì**, sử dụng bộ máy quản lý ở địa phương để giải quyết các vấn đề của địa phương.
- **Giám sát** để học kinh nghiệm từ các tổ chức khác.

Việc xây dựng các công trình cấp nước và vệ sinh nhỏ lẻ bền vững cũng đòi hỏi phải thực hiện theo một quy trình tương tự nhưng ít quy tắc hơn.

Quá trình xây dựng các công trình CN&VS Nông thôn thực hiện qua 7 bước được sử dụng là nền tảng cho một khung hoạt động cho phép các tỉnh thực hiện dự án theo đúng các nguyên tắc đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Dạng “Khung cho xã hội hoá CN & VSNT” cần phải bao gồm các nội dung sau:

- các quy định về pháp lý và điều tiết.
- nâng cao năng lực cho các cơ quan Nhà nước ở tất cả các cấp nhằm hỗ trợ việc thay đổi theo cách tiếp cận đáp ứng theo nhu cầu, cùng tham gia.
- công cụ cho việc hình thành và quản lý các doanh nghiệp do người sử dụng làm chủ.
- hướng dẫn giúp cho người sử dụng lựa chọn các giải pháp kỹ thuật và quản lý các công trình.
- biểu mẫu chuẩn cho các nghiên cứu khả thi cho thẩm định thương mại.
- vấn đề nhạy cảm nghề nghiệp đôi khi xây dựng cơ chế tài chính cho cấp nước và vệ sinh nông thôn.
- đào tạo nhóm người sử dụng trong việc quản lý và vận hành các công trình công cộng.
- giám sát cùng tham gia việc trao đổi thông tin.

“Khung cho xã hội hoá cấp nước và vệ sinh nông thôn” sẽ đóng góp cơ bản về năng lực cho kế hoạch hành động Chiến lược của các Tỉnh để thực thi và điều chỉnh Chiến lược.

Trong một môi trường thuận lợi, cùng tham gia, và hỗ trợ lẫn nhau, quá trình thực hiện qua 7 bước sẽ trao quyền cho người sử dụng trong quá trình xây dựng các công trình cấp nước và vệ sinh. Quá trình này cũng mang lại những cơ hội để xác định rõ xu hướng đối với các vấn đề phát triển khác có liên quan như: giảm nghèo, giới, dân chủ hoá và nền quản trị đúng đắn. Ngoài 7 bước như mô tả ở trên còn có thêm hai bước nữa cũng rất cần thiết để giúp cho việc tạo nên một môi trường thuận lợi, tiến bộ và theo hướng tiếp cận cùng tham gia, đó là:

- **Nâng cao năng lực**, nhằm đảm bảo hỗ trợ được kịp thời và bảo vệ các bên tham gia trong quá trình phát triển cấp nước và vệ sinh nông thôn.
- **Điều phối**, để đảm bảo phát triển bình đẳng, tránh chồng chéo và khoanh vùng các thủ tục không hiệu quả và hiệu lực.

## PHỤ LỤC 2: KHUNG LỘ GÍC ĐÃ ĐƯỢC Củng Cố

Diễn giải đã được củng cố	Các chỉ số có thể kiểm chứng được cập nhật	Các phương tiện kiểm chứng được cập nhật
<b>Mục tiêu trước mắt</b> Một CERWASS đã được củng cố có đủ khả năng điều phối thực thi Chiến lược.	Chương trình Cấp nước và vệ sinh nông thôn Quốc gia trong giai đoạn từ 2006-2010, dựa trên các nguyên tắc cơ bản của Chiến lược được phê duyệt năm 2005.	Quyết định của Bộ kế hoạch đầu tư, Bộ tài chính và biên bản cuộc họp Ban chỉ đạo Quỹ Quốc gia cho Cấp nước và vệ sinh nông thôn.
<b>“Đầu ra” số 1 của WaterSPS</b> Văn phòng điều phối Chiến lược được thành lập ở CERWASS.	Báo cáo khởi động, kế hoạch công tác cho năm 2002 và Kế hoạch đảm bảo chất lượng của Tư vấn được Ban điều hành Trung ương phê duyệt vào tháng 1 năm 2002.	Biên bản cuộc họp Ban điều hành Trung ương.
<b>“Đầu ra” số 2 của WaterSPS</b> Nhận biết và sự chấp nhận chiến lược ở tất cả các cấp có liên quan.	Kế hoạch cấp nước và vệ sinh nông thôn của các tỉnh thí điểm của Kế hoạch hành động chiến lược có bao gồm các nguyên tắc cơ bản của chiến lược trước tháng 10 năm 2002	So sánh và đánh giá các đề án của tất cả các tỉnh nộp về Chương trình mục tiêu Quốc gia vào tháng 10 năm 2002
<b>“Đầu ra” số 3 của WaterSPS</b> Nhận thức về quy trình của chiến lược và vai trò, trách nhiệm của các tổ chức sử dụng nước ở cấp tỉnh được nâng cao.	Các tỉnh thí điểm của kế hoạch hành động Chiến lược hỗ trợ việc hình thành nhóm người sử dụng nước từ giữa năm 2002 trở đi.	Hồ sơ về Nhóm người sử dụng nước đã đăng ký .
<b>“Đầu ra” số 4 của WaterSPS</b> Quỹ Quốc gia cho Cấp nước và vệ sinh nông thôn được thành lập trên cơ sở thí điểm ở một số tỉnh được lựa chọn.	Một số tỉnh thí điểm của kế hoạch hành động Chiến lược đưa Quỹ bảo lãnh vốn vay vào hoạt động trước tháng 6 năm 2002	Hồ sơ của Ngân hàng nông nghiệp ở cấp tỉnh
<b>“Đầu ra” số 5 của WaterSPS</b> Kế hoạch phát triển thể chế, củng cố tổ chức và phát triển nguồn nhân lực được xây dựng hoàn chỉnh	Kế hoạch phát triển thể chế, củng cố tổ chức và Chương trình phát triển nguồn nhân lực được lãnh đạo trung tâm phê duyệt vào đầu năm 2002	Các tài liệu được phát hành.
<b>“Đầu ra” số 6 của WaterSPS</b> Chương trình phát triển nguồn nhân lực được thực hiện	Các bộ phận mới được thành lập của Trung tâm có đủ khả năng thực hiện các hoạt động đề ra trong kế hoạch	Báo cáo tiến độ
<b>“Đầu ra” số 7 của WaterSPS</b> Kế hoạch phát triển thể chế và củng cố tổ chức được thực hiện	Kế hoạch quản lý chất lượng được Trung tâm thực hiện từ đầu năm đến giữa năm 2002	Báo cáo tiến độ
<b>“Đầu ra” số 8 của WaterSPS</b> Các khái niệm, hướng dẫn, và quy trình mới được phát triển và đưa vào thiết kế các Dự án Cấp nước và vệ sinh nông thôn.	Các tỉnh thí điểm của Kế hoạch hành động Chiến lược nhất trí khung cho các dự án Đáp ứng theo nhu cầu trước tháng 6 năm 2002	Các tài liệu được phát hành.
<b>“Đầu ra” số 9 của WaterSPS</b> Bài học kinh nghiệm rút ra từ các “Dự án tiên phong của chiến lược” ở một số xã được biên soạn thành tài liệu.	Báo cáo đánh giá “Các tỉnh tiên phong của chiến lược” ở một số tỉnh được lựa chọn vào đầu năm 2002	Các tài liệu được phát hành.
<b>“Đầu ra” số 10 của WaterSPS</b> Các tỉnh thí điểm của kế hoạch hành động Chiến lược đưa các nguyên tắc cơ bản của Chiến lược vào thiết kế các dự án cấp nước và vệ sinh nông thôn.	Các hướng dẫn được phát hành và các điển hình tiên tiến liên tục được biên soạn thành tài liệu từ giữa năm 2002.	Website của CERWASS
<b>“Đầu ra” số 11 của WaterSPS</b> Bài học kinh nghiệm từ các tỉnh thí điểm của Kế hoạch hành động Chiến lược được biên soạn thành tài liệu ở cấp Quốc gia	Các điển hình tiên tiến thường xuyên được cập nhật trên Website của CERWASS từ tháng 2 năm 2002	Số lượt truy cập vào Website của CERWASS.
<b>“Đầu ra” số 12 của WaterSPS</b> Kế hoạch nhân rộng các hoạt động của Chiến lược trên phạm vi toàn quốc.	Pha II của Kế hoạch hành động Chiến lược được tiến hành từ năm 2004	Biên bản cuộc họp Ban chỉ đạo liên bộ về thực thi Chiến lược.



Phần củng cố của Khung lô gíc được mô tả trong Báo cáo khởi động.

Các chỉ số có thể kiểm chứng và công cụ kiểm chứng đưa ra đều có giá trị cho các hoạt động nằm trong kế hoạch trong phạm vi hoạt động của tiểu hợp phần trong năm 2002.

**PHỤ LỤC 3: THỰC TRẠNG VỀ CÁC “ĐẦU RA” ĐÃ ĐƯỢC Củng Cố**

STT	“ĐẦU RA” ĐÃ ĐƯỢC Củng Cố	THỰC TRẠNG
1	Văn phòng điều phối Chiến lược được thành lập ở CERWASS.	Văn phòng Chiến lược Quốc gia được thành lập tại CERWASS/MARD tháng 3 năm 2003
2	Nhận biết và sự chấp nhận chiến lược ở tất cả các cấp có liên quan.	Đưa vào thực tiễn và sự chấp thuận chiến lược có mức độ trong bối cảnh Việt Nam hiện nay.
3	Nhận thức về quy trình của chiến lược và vai trò, trách nhiệm của các tổ chức sử dụng nước ở cấp địa phương được nâng cao.	Người sử dụng làm chủ quá trình phát triển cấp nước và vệ sinh nông thôn chưa thực sự được khuyến khích. Khung pháp lý cho nhóm người sử dụng nước chưa được thành lập.
4	Quỹ Quốc gia cho Cấp nước và vệ sinh nông thôn được thành lập trên cơ sở thí điểm ở một số địa phương được lựa chọn.	Quỹ bảo đảm vốn vay và quỹ trợ cấp được thành lập ở cấp địa phương với đối tác là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ở các địa phương thí điểm được DANIDA hỗ trợ.
5	Kế hoạch phát triển thể chế, củng cố tổ chức và phát triển nguồn nhân lực được xây dựng hoàn chỉnh	Quyết định 99 thành lập Ban chủ nhiệm về Chương trình mục tiêu quốc gia. Kế hoạch quản lý chất lượng cho CERWASS/văn phòng chương trình mục tiêu quốc gia được chuẩn bị. Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực bị chậm trễ.
6	Chương trình phát triển nguồn nhân lực được thực hiện	Các hoạt động phát triển nguồn nhân lực tiếp tục được hỗ trợ nhưng chương trình dựa vào mục tiêu chưa được hoàn thiện
7	Kế hoạch phát triển thể chế và củng cố tổ chức được thực hiện	Tiếp tục thực hiện với nguồn nội lực của Chính phủ
8	Các khái niệm, hướng dẫn, và quy trình mới được phát triển và đưa vào các thiết kế các Dự án Cấp nước và vệ sinh nông thôn.	Các công cụ, dụng cụ được xây dựng trong năm 2002 sẽ được áp dụng vào thực tế năm 2003
9	Bài học kinh nghiệm rút ra từ các “Dự án tiên phong của chiến lược” ở một số xã được biên soạn thành tài liệu.	Việc in ấn các mẫu điển hình, mô hình hay đang trong giai đoạn hoàn thiện. Website của CERWASS đã được lên mạng, đưa vào hoạt động.
10	Các địa phương của kế hoạch hành động Chiến lược đưa các nguyên tắc cơ bản của Chiến lược vào thiết kế các dự án cấp nước và vệ sinh nông thôn.	Tiếp tục được thực hiện trong năm 2002 trong khuôn khổ Pha 1 của Kế hoạch hành động Chiến lược
11	Bài học kinh nghiệm từ các địa phương của Kế hoạch hành động Chiến lược được biên soạn thành tài liệu ở cấp Quốc gia	Tiếp tục vào năm 2003
12	Kế hoạch nhân rộng các hoạt động của Chiến lược trên phạm vi toàn quốc.	Tiếp tục trong năm 2003 thông qua việc chuẩn bị đề xuất dự án vay quỹ tín dụng-IDA 100 triệu đô la Mỹ.

Phần củng cố của “đầu ra” nguyên bản trong Khung logic của Tiểu hợp phần 1.2 được trình bày trong Bảng 4.1 của Báo cáo khởi động.

“Đầu ra” trình bày trong tài liệu Mô tả hợp phần giữ nguyên giá trị như là các hoạt động trong lĩnh vực công tác của Hỗ trợ Chương trình ngành nước trong năm 2002, trừ đầu ra số 11 và 12.